

=====

(Nguyên Hồng dịch tiếng Việt)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十冊 No. 306 《大方廣佛花嚴經修慈分》

【Kinh văn tu tần】Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập sách No. 306 《Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tu Từ Phần》

【Xuất xứ văn kinh】Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh Quyển thứ mười No. 306 《Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Phần Tu Từ》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【Bản bản kí lục】CBETA Điện tử Phật điển V1.10 (UTF-8) Phổ cập bản. Hoàn thành nhật kỳ : 2004/11/14

【Bản gốc】CBETA Phật điển điện tử V1.10 (UTF-8) Bản phổ thông. Hoàn thành ngày : 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【Biên tập thuyết minh】Bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập.

【Thuyết minh về biên tập】Kho tu liệu này do Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa (CBETA) biên tập dựa vào bộ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh.

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, CBETA 自行掃瞄辨識

【Nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại đức đề cung, Duy-Tập-An Đại đức đề cung chi Cao Ly tạng CD kinh văn, CBETA tự hành tảo miêu biện thức.

【Tu liệu gốc】Tu liệu này do Đại đức Tiêu-Trần-Quốc và Đại-Đức Duy-Tập-An cung cấp kinh văn từ đĩa CD của Tạng Cao Ly và do CBETA tự thực hiện chỉnh lý.

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【Kỳ tha sự hạng】Bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【Điều khoản khác】Kho tu liệu này có thể tự do phổ biến miễn phí. Xin tham khảo nội dung chi tiết trong【Giới thiệu cơ bản Kho tu liệu của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

Taisho Tripitaka Vol. 10, No. 306 大方廣佛花嚴經修慈分
Taisho Tripitaka Vol. 10, No. 306 Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tu Từ Phần
Taisho Tripitaka Vol. 10, No. 306 Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tu Từ Phần

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, CBETA OCR Group

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, CBETA OCR Group

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, CBETA OCR Group

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, CBETA OCR Group

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

=====
=====
=====

(Nguyên Hồng dịch tiếng Việt)

No. 306

No. 306

No. 306

大方廣佛花嚴經修慈分一卷

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tu Từ Phần Nhất quyển

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tu Từ Phần Một quyển

唐于闐三藏提雲般若等奉 制譯

Đường Vu Điền Tam Tạng Đề Vân Bát-nhã đẳng tụng chế dịch

Đời nhà Đường Tam tạng nước Vu Điền Đề Vân Bát-nhã v.v... tụng chế dịch

如是我聞。一時佛在王舍城鷲峯山中。

Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Vương xá thành Thửu phong sơn trung,
Tôi nghe như vậy một thuở nọ Phật ở tại thành Vương Xá trong ngọn núi Linh Thửu,

與無量大菩薩眾俱。彌勒菩薩摩訶薩。而為上首。

dữ vô lượng đại Bồ-tát chúng câu, Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát nhi vi thượng thủ.
cùng đầy đủ vô lượng chúng Đại Bồ-tát, đứng đầu là Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát.

爾時東方。有十億梵天。皆住慈心。來詣佛所。

Nhĩ thời Đông phương hữu thập ức Phạm thiên, giai trụ Từ tâm lai nghê Phật sở,
Lúc bấy giờ có mười ức Phạm thiên ở phương Đông đều an trú nơi tâm Từ, đến chỗ Phật

頂禮佛足。以眾妙供供養於佛。供養畢已。

đảnh lễ Phật túc, dĩ chúng diệu cúng, cúng dường ư Phật. Cúng dường tất dĩ,

đánh lễ dưới chân, dùng các thức cúng dường cao quý cúng dường Phật. Cúng dường xong

各自坐於眾福所生蓮華之座。恭敬尊重。
các tự toạ ư chúng phúc sở sinh liên hoa chi toà, cung kính tôn trọng,
tất cả đều ngồi trên toà hoa sen do phúc báo sinh ra, cung kính tôn trọng,

瞻仰如來。南西北方。四維上下。諸來梵天。
chiêm ngưỡng Như Lai. Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ, chư lai Phạm thiên,
chiêm ngưỡng Như Lai. Các Phạm thiên đến từ phương Nam, Tây, Bắc cùng bốn phương
bàng và trên dưới

皆亦如是。
giai diệc như thị.
cũng đều như vậy.

爾時諸梵天眾。在於佛所。各以慈目。
Nhĩ thời chư Phạm thiên chúng, tại ư Phật sở, các dĩ từ mục,
Bấy giờ các chúng Phạm thiên ở chỗ Phật đều với mắt từ,

遞相瞻顧。復共同時。舒顏諦視。彌勒菩薩。
đệ tương chiêm cố. Phục cộng đồng thời thư nhan đế thị Di-lặc Bồ-tát.
cùng nhau chiêm ngưỡng. Lại cùng nhau đồng thời với vẻ mặt thư thái nhìn kỹ Bồ-
tát Di-lặc.

時彌勒菩薩摩訶薩。即從座起。偏袒右肩。
Thời Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát, tức tùng toà khởi, thiên dãn hữu kiên,
Lúc bấy giờ Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo bên
hữu,

長跪合掌。白佛言。大德世尊。一切智者。於諸法性。
trường quỳ hợp chương, bạch Phật ngôn : Đại đức Thế Tôn, nhất thiết trí giả, ư
chư pháp tính,
quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng : Thế Tôn đức lớn, bậc nhất thiết trí, đối với
tính của các pháp

能正覺了。遍知眾生善惡之業。凡愚由此。
năng chính giác liễu, biền tri chúng sinh thiện ác chi nghiệp, phàm ngu do thử
đã hiểu rõ đúng đắn, biết hết các nghiệp thiện ác của chúng sinh, phàm ngu do
các nghiệp đó

生死往來。善能開悟三乘之道。及以三乘。
sinh tử vãng lai, thiện năng khai ngộ tam thừa chi đạo, dĩ cập tam thừa,
mà qua lại sinh tử, khéo khai ngộ con đường ba thừa và đem ba thừa

同歸一乘。一切眾生。根性差別。
đồng quy nhất thừa. Nhất thiết chúng sinh, căn tính sai biệt,
quy về một thừa. Tất cả chúng sinh căn tính khác nhau,

及於煩惱纏蓋之中。有如來種。普皆明見。無有謬失。
cập ư phiền não triền cái chi trung, hữu Như Lai chủng, phổ giai minh kiến, vô
hữu mậu thất.
và ở trong sự trói buộc của phiền não, Thế Tôn đều thấy rõ có hạt giống Như Lai
không mất.

又知諸法皆悉是空。如夢如幻。如陽焰等。無有堅實。

Hựu tri chư pháp giai tất thị không, như mộng như huyễn, như dương diệm đẳng, vô hữu kiên thật.

Lại biết tất cả các pháp đều không, như mộng như ảo, như sóng nắng vv... không chắc thật.

而大悲無盡。以善方便。令諸凡夫。

Nhi đại bi vô tận, dĩ thiện phương tiện linh chư phàm phu

Thế Tôn đại bi không cùng tận, dùng phương tiện khiến các phàm phu

見佛色身微妙之相。佛身者。般若波羅蜜之所成就。

kiến Phật sắc thân vi diệu chi tướng. Phật thân giả, Bát-nhã Ba-la-mật chi sở thành tựu,

thấy sắc thân Phật tướng mạo tuyệt vời. Thân Phật là do Bát-nhã Ba-la-mật làm thành,

自然真實。常住不變。猶如虛空。若有眾生。

tự nhiên chân thật, thường trú bất biến, do như hư không. Nhược hữu chúng sinh, tự nhiên chân thật, thường còn không đổi, giống như hư không. Nếu có chúng sinh

勤修福慧。不隨心識。馳騫於境。非如渴鹿於曠野中。

cần tu phúc tuệ, bất tùy tâm thức, trì vụ ư cảnh, phi như khát lộc ư khoáng dã trung,

siêng tu phúc tuệ, không tùy tâm thức giống ruồi theo cảnh, không như con nai khát nước nơi đồng nội

追求陽焰以之為水。如是之人。則得見佛。

truy cầu dương diệm dĩ chi vi thủy, như thị chi nhân tắc đắc kiến Phật, chạy tìm sóng nắng cho đó là nước, những người như vậy sẽ được thấy Phật,

恒聞說法。亦能依教。如理修行。世尊。

hằng văn thuyết pháp, diệc năng y giáo, như lý tu hành. Thế Tôn !

hằng nghe pháp, cũng có thể y theo giáo pháp như lý tu hành. Thế Tôn !

我今欲於如來應正等覺。少有所問。唯願慈哀。

Ngã kim dục ư Như Lai Ứng chính đẳng giác, thiểu hữu sở vấn. Duy nguyện từ ai, Con nay nơi Như Lai Ứng đẳng chính giác có ít điều thưa hỏi, nguyện xin xót thương

為我宣說。世尊。菩薩云何。於阿耨多羅三藐三菩提。

vì ngã tuyên thuyết. Thế Tôn ! Bồ-tát vân hà ư A-nậu-da-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, vì con nói rõ. Thưa Thế Tôn ! Nơi vô thượng chính đẳng chính giác, Bồ-tát làm sao

少用功力。安樂無倦。而能速證廣大佛法。

thiểu dụng công lực, an lạc vô quỵện, nhi năng tốc chứng quảng đại Phật pháp ? ít dùng công sức, an vui không mỏi, có thể mau chứng pháp Phật rộng lớn ?

菩薩云何。在生死中。不受無量眾苦逼迫。

Bồ-tát vân hà tại sinh tử trung, bất thụ vô lượng chúng khổ bức bách, Bồ-tát làm sao ở trong sinh tử không bị vô lượng khổ ép ngặt,

於諸佛法速得圓滿。

ư chư Phật pháp tốc đắc viên mãn ?

trong các pháp Phật mau được viên mãn ?

爾時世尊。告彌勒菩薩摩訶薩言。善哉彌勒。

Nhĩ thời Thế Tôn, cáo Di-lặc Bồ-tát ngôn : Thiện tai Di-lặc !

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng : Hay thay Di-lặc !

汝於我所。常有所問。今所問義。最順我心。

Nhữ ư ngã sở, thường hữu sở vấn. Kim sở vấn nghĩa, tối thuận ngã tâm.

Ông thường có những điều hỏi ta. Ý nghĩa điều hỏi hôm nay rất thuận tâm ta.

汝今哀愍諸天及人一切世間。無量眾生。

Nhữ kim ai mãn chư thiên cập nhân, nhất thiết thế gian, vô lượng chúng sinh,

Ông nay thương xót chư thiên và người cùng vô lượng chúng sinh trong tất cả thế gian,

多所利益。多所安樂。故能問我如是之義。

đa sở lợi ích, đa sở an lạc, cố năng vấn ngã như thị chi nghĩa.

vì nhiều lợi ích, nhiều an vui nên hỏi ta ý nghĩa như vậy.

吾當為汝。分別演說。令諸菩薩。不經勤苦。

Ngô đương vị nhữ, phân biệt diễn thuyết, linh chư Bồ-tát, bất kinh cần khổ,

Ta sẽ vì ông phân biệt diễn nói, khiến các Bồ-tát, không phải trải qua cần khổ,

而能速疾證佛菩提。佛子。若有眾生。為求菩提。

nhĩ năng tốc tạt chúng Phật Bồ-đề. Phật tử ! Nhược hữu chúng sinh, vị cầu Bồ-đề

có thể mau chóng chứng giác ngộ của Phật. Phật tử ! Nếu có chúng sinh vị cầu giác ngộ

而修諸行。願常安樂者。應修慈心以自調伏。

nhĩ tu chư hạnh, nguyện thường an lạc giả, ưng tu Từ tâm dĩ tự điều phục.

mà tu các hạnh, muốn thường an vui thì phải tu tâm Từ để tự điều phục.

如是修習。於念念中。常具修行六波羅蜜。

Như thị tu tập, ư niệm niệm trung, thường cụ tu hành lục Ba-la-mật,

Tu tập như vậy, trong mỗi niệm mỗi niệm thường tu hành đủ sáu Ba-la-mật thì

速能逮及諸忍之地。速得圓滿無上正覺。

tốc năng đãi cập chư Nhẫn chi địa, tốc đắc viên mãn vô thượng chính giác,

mau đạt được các bậc Nhẫn, mau được viên mãn vô thượng chính giác,

具足十力四無所畏。十八不共法。三十二相。八十種好。

cụ túc thập lực tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo,

đầy đủ mười sức mạnh, bốn không sợ sệt, mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp,

最上功德。莊嚴其身。盡於未來。常住安樂。

tối thượng công đức, trang nghiêm kỳ thân, tận ư vị lai, thường trụ an lạc,

công đức cao tột trang nghiêm thân mình, hết đời vị lai thường trong an lạc,

亦能除滅。一切眾生無始已來諸業重障。

diệt năng trừ diệt nhất thiết chúng sinh vô thủy dĩ lai chư nghiệp trọng chướng.

cũng có thể diệt trừ các nghiệp chướng nặng từ vô thủy đến nay của tất cả chúng sinh.

佛子。若諸菩薩。修習慈心。應在空閑寂靜之處。

Phật tử ! Nhược chư Bồ-tát tu tập Từ tâm, ung tại không nhân tịch tĩnh chi xứ,
Phật tử ! Nếu các Bồ-tát tu tập tâm Từ, phải ở nơi yên tĩnh vắng vẻ,

以清淨信。攝諸心法。觀察其身上下支節。

dĩ thanh tịnh tín, nhiếp chư tâm pháp, quan sát kỳ thân thượng hạ chi tiết,
dùng lòng tin thanh tịnh gìn giữ tâm pháp, quan sát chi tiết trên dưới thân mình

皆微塵聚。地水火風。和合所成。復應思惟。

giai vi trần tụ, địa thủy hỏa phong, hoà hợp sở thành. Phục ung tu duy
đều là bụi bặm, đất nước gió lửa hoà hợp mà thành. Lại phải tu duy

即彼一一微塵之內。皆有虛空。是諸虛空。

tức bỉ nhất nhất vi trần chi nội, giai hữu hư không. Thị chư hư không,
ngay trong mỗi hạt bụi nhỏ đều có hư không. Các hư không đó

莫不悉以容受為相。又應想念。彼諸微塵。

mạc bất tất dĩ dung thụ vi tướng. Hựu ung tưởng niệm, bỉ chư vi trần,
là tướng không có gì chẳng dung chứa hết. Lại phải nghĩ tưởng các bụi nhỏ kia

清淨明徹外如瑠璃。內如紫金。莊嚴妙好。柔軟芬馥。

thanh tịnh minh triệt, ngoại như lưu ly, nội như tử kim, trang nghiêm diệu hảo,
nhu nhuyễn phân phúc.

trong sạch sáng suốt, ngoài như lưu ly trong như vàng tía, đẹp đẽ trang nghiêm
thơm tho mềm dịu.

復應觀察一切世界所有眾生一一眾生所有支

Phục ung quan sát nhất thiết thể giới sở hữu chúng sinh, nhất thiết chúng sinh sở
hữu chi

Lại phải quan sát có bao nhiêu chúng sinh trong tất cả thể giới, có bao nhiêu
chi tiết trong mỗi chúng sinh,

節。一一支節。所有微塵。皆亦如是。若諸菩薩。

tiết, nhất nhất chi tiết sở hữu vi trần, giai diệc như thị. Nhược chư Bồ-tát,
có bao nhiêu bụi nhỏ trong mỗi chi tiết cũng đều như vậy. Nếu các Bồ-tát

於自他身一切眾生。作於如是決定解已。

ư tự tha thân nhất thiết chúng sinh, tác như thị quyết định giải dĩ.

đã hiểu rõ thân mình và thân tất cả chúng sinh một cách quyết định như vậy rồi.

復應想念自身微塵。一一塵中。皆有佛國。

Phục ung tưởng niệm tự thân vi trần, nhất thiết trần trung, giai hữu Phật quốc.

Lại phải nghĩ tưởng bụi nhỏ trong thân mình, trong mỗi hạt bụi đều có cõi Phật.

其中宮殿。瑠璃所成。白銀為門。黃金為柱。

Kỳ trung cung điện, lưu ly sở thành, bạch ngân vi môn, hoàng kim vi trụ,
Cung điện trong đó làm bằng lưu ly, bạc làm cửa, vàng làm cột,

廣博崇麗。光影洞徹。寶堂間列。寶牆圍繞。寶閣寶樓。

quảng bác sùng lệ, quang ảnh động triệt, bảo đường gian liệt, bảo tường vi
nhiều, bảo các bảo lầu,

rộng rãi đẹp đẽ, quang cảnh rực rỡ, nhà cửa hàng dãy, tường báu vây quanh, gác
báu lầu báu,

處處分布。其中各有諸天寶床。重茵綺褥。

xú xú phân bố. Kỳ trung các hữu chư thiên bảo sàng, trùng nhân ý nhục,

phân bố khắp nơi. Trong đó có giường của trời với nhiều lớp nệm thêu,

敷置其上。復有無量上好園苑。圍遶莊嚴。

phu trí kỳ thượng. Phục hữu vô lượng thượng hảo viên uyển vi nhiều trang nghiêm.
trải lên trên. Lại có vô lượng vườn hoa đẹp để trang nghiêm chung quanh.

其園苑中。皆有浴池。悉以七寶而為提岸。

Kỳ viên uyển trung, giai hữu dục trì. Tất dĩ thất bảo nhi vi đề ngạn,
Trong các vườn hoa, đều có ao tắm. Tất cả bờ ao đều bằng bảy báu,

黃金欄楯四面周匝。清泉長流引注其中。香末為泥。

Hoàng kim lan thuẫn tứ diện châu táp, thanh tuyền trường lưu dẫn chú kỳ trung,
huong mặt vi nê,

lan can vàng rồng chạy khắp bốn bên, có suối nước trong dẫn nước vào ao, bột
thơm làm bùn,

金沙間錯。八功德水。彌滿澄淨。波頭摩花。

kim sa gián thác, bát công đức thủy, di mãn trùng tịnh, Ba-đầu-ma hoa,
lẫn với cát vàng, nước tám công đức trong sạch chứa đầy. Hoa Ba-đầu-ma,

優鉢羅花。拘物頭花。分陀利花。菡萏開敷。

Ưu-bát-la hoa, Câu-vật-đầu hoa, hàm đạm khai phu
hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa sen đua nở

周布其上。其池四邊。多諸寶樹。真珠為花。

chủ bố kỳ thượng. Kỳ trì tứ biên, đa chủ bảo thụ, chân châu vi hoa,
khắp mặt ao. Bốn bên ao có nhiều cây báu, hoa là chân châu,

光色滋榮。其果成熟。香味具足。於諸樹下。

quang sắc tư vinh. Kỳ quả thành thực hương vị cụ túc. Ư chủ thụ hạ,
màu sắc sáng trong, khi quả chín đầy đủ hương vị. Dưới các cây

置天寶座。一一座前。寶器行列。甘露美食。莫不充滿。

trí thiên bảo toà. Nhất nhất toà tiền, bảo khí hàng liệt, cam lồ mỹ thực, mạc
bất sung mãn.

có toà ngời của trời. Trước mỗi toà ngời có la liệt các đồ dùng báu đều đựng đầy
món ngon cam lồ.

復應想念。如是一切諸佛國土。青紺琉璃。

Phục ứng tưởng niệm, như thị nhất thiết chủ Phật quốc độ, thanh cảm lưu lý
Lại phải nghĩ tưởng các cõi nước chủ Phật như vậy, đất làm bằng ngọc lưu lý
trong xanh,

以為其地。眾妙七寶。綺錯莊嚴。是諸土中。

dĩ vi kỳ địa, chúng diệu thất bảo, ý thác trang nghiêm. Thị chủ độ trung,
trang nghiêm xen nhau các thứ bảy báu đẹp để. Trong các cõi nước ấy,

所有微塵。清淨細妙。如天上寶。其光晃曜。

sở hữu vi trần, thanh tịnh tế diệu, như thiên thượng bảo. Kỳ quang khoáng diệu,
bụi bặm đều trong sạch tinh vi, như các thứ báu trên trời. Màu sắc sáng loáng

如盛明日。其色美好如閻浮檀金。

như thịnh minh nhất. Kỳ sắc mỹ hảo như Diêm-phù-đàn kim.
như ánh mặt trời, đẹp để như vàng Diêm-phù-đàn.

香氣氤氳如烏羅伽栴檀。質性柔軟如迦旃延衣。

Hương khí phân ôn như Ô-la-già Chiên-đàn. Chất tính nhu nhuyễn như Ca-chiên-diên y,

Mùi hương xông lên như Chiên-đàn Ô-la-già. Tính chất êm dịu như áo Ca-chiên-diên,

觸著於身能生悅樂。作是觀已。即應想念。從此東方。

xúc trước y thân năng sinh duyệt lạc. Tác thị quán dĩ, tức ung tưởng niệm, tùng thủ Đông phương

chạm vào người khiến cảm thấy vui. Quán tưởng như vậy rồi liền phải nghĩ tưởng rằng từ phương Đông này

一切世界。所有眾生。

nhất thiết thế giới, sở hữu chúng sinh, chúng sinh trong tất cả thế giới

皆來入我諸佛國土宮殿之中。南西北方。四維上下。彼諸世界。

giai lai nhập ngã chư Phật quốc độ, cung điện chi trung. Nam Tây Bắc phương, tứ duy thượng hạ, bi chư thế giới,

đều đến vào trong cung điện các cõi Phật của ta. Phương Nam, Tây, Bắc, các phương bàng và trên dưới, chúng sinh trong các thế giới kia

所有眾生。皆亦如是。又應想念。如是六道一切眾生。

sở hữu chúng sinh, giai diệc như thị. Hựu ung tưởng niệm, như thị lục đạo, nhất thiết chúng sinh,

cũng đều như vậy. Lại phải nghĩ tưởng rằng tất cả chúng sinh trong sáu đường như vậy

皆同威儀。色相相似。其身柔軟常有香氣。

giai đồng uy nghi, sắc tướng tương tự. Kỳ thân nhu nhuyễn, thường hữu hương khí, đều đồng một uy nghi, sắc tướng giống nhau. Thân chúng dịu dàng, thường có mùi thơm,

丈夫之相。具足莊嚴。離諸苦惱。受天快樂。

trượng phu chi tướng, cụ túc trang nghiêm, ly chư khổ não, thụ thiên khoái lạc. có tướng trượng phu, đầy đủ trang nghiêm, lìa các khổ não, hưởng thụ sung sướng cõi trời.

是諸眾生。若須衣服莊嚴之具。

Thị chư chúng sinh, nhược tu y phục, trang nghiêm chi cụ, Các chúng sinh ấy nếu cần y phục, đồ dùng trang sức

即時往詣劫波樹下。隨其所須。應念而得。

tức thời vãng nghê Kiếp-ba thụ hạ, tùy kỳ sở tu, ứng niệm nhi đắc, thì đến dưới cây Kiếp-ba, tùy cần thứ gì liền có thứ đó,

種種眾具以為嚴好。譬如他化自在之天。復有香風從八方來。

chủng chủng chúng cụ, dĩ vi nghiêm hảo, thí như Tha hoá tự tại chi thiên. Phục hữu hương phong, tùng bát phương lai.

đầy đủ các thứ dùng để trang sức, giống như ở cõi trời Tha Hoá Tự Tại.

其風觸身。令心適悅。有諸樂器。無人撫擊。

Kỳ phong xúc thân, linh tâm thích duyệt. Hữu chư nhạc khí, vô nhân phủ kích,

Gió ở đó chạm vào thân khiến tâm sinh vui thích. Có các thứ nhạc khí không do ai đánh,

隨風迴動。出妙音聲。是諸眾生或在宮殿。
tuỳ phong hồi động, xuất diệu âm thanh. Thị chư chúng sinh, hoặc tại cung điện,
tuỳ theo gió động phát ra âm thanh hay. Các chúng sinh ở đó, người thì ở trong
cung điện,

或遊園苑。或有食於諸天美食。或執寶器。
hoặc du viên uyên, hoặc hữu thực u chư thiên mỹ thực, hoặc chấp bảo khí,
hoặc đi dạo vườn hoa, hoặc dùng các thức mỹ vị của trời, hoặc nắm cầm các vật
dụng quý báu

而飲甘露。或有坐於蓮花之臺。身佩瓔珞。兩邊垂下。
nhĩ ẩm cam lồ. Hoặc hữu tọa u liên hoa chi đài, thân bội anh lạc, lưỡng biên
thùy hạ.
mà uống nước cam lồ. Hoặc có người ngồi trên đài hoa sen, thân đeo chuỗi anh lạc
buông xuống hai bên.

財寶充滿。眾具備足。隨其所好。種種歡娛。
Tài bảo sung mãn, chúng cụ bị túc, tuỳ kỳ sở hảo, chủng chủng hoan ngu,
Của cải dồi dào, đồ dùng đầy đủ, tuỳ theo sở thích, mọi thứ đều hợp ý.

面目熙怡。身心悅懌。體常無病。盛年好色。
diện mục hi di, thân tâm duyệt dịch, thể thường vô bệnh, thịnh niên hảo sắc,
Vẻ mặt rạng rỡ, thân tâm hoan hỷ, thân thường không bệnh, khoẻ mạnh đẹp đẽ,

不老不死。功德勢力。皆同一類。
bất lão bất tử, công đức thế lực, giai đồng nhất loại,
không già không chết, thế lực công đức, tất cả như nhau,

無有為人之所使者。悉能摧滅姪怒愚癡。當證菩提。究竟安樂。
vô hữu vi nhân chi sở sử giả, tất năng tảo diệt thâm nộ ngu si, đương chứng Bồ-
đề, tất cánh an lạc.
không ai bị ai sai khiến, diệt trừ hết sự thâm dục, giận dữ, ngu si, sẽ chứng Bồ-
đề, rất rạo an vui.

佛子。是修慈者。若在如是眾生之中。
Phật tử ! Thị tu Từ giả, nhược tại như thị chúng sinh chi trung,
Phật tử ! Những người tu hạnh Từ, nếu ở trong chúng sinh,

見一眾生於已有違。心緣於此。不生愛念。
kiến nhất chúng sinh u kỷ hữu vi, tâm duyên u thử, bất sinh ái niệm,
thấy có một chúng sinh nghịch với mình, tâm duyên cảnh ấy mà có ý niệm không yêu
thích

則應以智慧。深自觀察。我往世中。定於此人。
tắc ưng dĩ trí tuệ, thâm tự quán sát, ngã trụ thế trung, định u thử nhân,
thì nên dùng trí tuệ tự quán sát kỹ rằng khi ta sống ở đời chắc chắn đối với
người này

作重業障。以是因故。還於今日。障我菩提。
tác trọng nghiệp chướng. Dĩ thị nhân cố, hoàn u kim nhật, chướng ngã Bồ-đề.
ta đã tạo tội nghiệp nặng. Do nhân đó mà người này ngày nay làm trở ngại đạo Bồ-
đề của ta.

我若於此人。不生歡喜。則於餘一切眾生之處。

Ngã nhược ư thù nhân, bất sinh hoan hỷ, tắc ư dư nhất thiết chúng sinh chi xú,
Nếu đối với người này không sinh hoan hỷ thì đối với tất cả chúng sinh khác

皆亦不應。而作饒益。何以故。

giai diệc bất ứng, nhi tác nhiều ích. Hà dĩ cố ?
cũng đều không làm được việc lợi ích. Bởi vì sao ?

以無始時來在生死中。無一眾生非於過去。曾害我者。

Dĩ vô thủy thời lai, sinh tử chi trung, vô nhất chúng sinh, phi ư quá khứ, tăng
hại ngã giả.

Bởi vì từ vô thủy đến nay ở trong sinh tử, không có một chúng sinh nào trong quá
khứ đã không làm hại ta.

若於此眾生。不生憐愍。於餘一切。當亦復然。

Nhược ư thù chúng sinh, bất sinh lân mẫn, ư dư nhất thiết, đương diệc như thị.
Nếu đối với chúng sinh này không sinh lòng thương yêu thì đối với bao nhiêu
chúng sinh khác cũng vậy.

我今普於一切眾生。皆行饒益。是故於此。決當慈念。

Ngã kim phổ ư nhất thiết chúng sinh, giai hành nhiều ích. Thị cố ư thù, quyết
đương Từ niệm.

Ta nay đối với tất cả chúng sinh đều làm việc lợi ích, vì vậy với chúng sinh này
quyết phải có lòng từ.

復應思惟。瞋恚因緣。能令眾生。墮於地獄。

Phục ưng tư duy sân nhuế nhân duyên, năng linh chúng sinh đoạ ư địa ngục.

Lại phải suy nghĩ rằng nhân duyên của giận dữ có thể khiến chúng sinh đoạ vào
địa ngục.

若懷怨結。後必生在毒蛇之中。若我來世。

Nhược hoài oán kết, hậu tất sinh tại độc xà chi trung. Nhược ngã lai thế,

Nếu ôm lòng oán kết, sau sẽ sinh vào loài rắn độc. Nếu đời sau của ta

受斯報者。當令彼人。深快其意。

thụ tư báo giả, đương linh bi nhân, thâm khoái kỳ ý.

chịu quả báo này, ắt sẽ khiến người kia lấy làm khoái ý.

故應捨離所有瞋恚怨結之心。我若多瞋。及怨結者。

cố ưng xả lý sở hữu sân nhuế oán kết chi tâm. Ngã nhược đa sân, cập oán kết giả,

Cho nên phải xả bỏ tâm giận dữ oán kết. Nếu ta có nhiều giận dữ và oán kết thì

十方現在諸佛世尊。皆應見我當作是念。

thập phương hiện tại chư Phật Thế Tôn, giai ứng kiến ngã đương tác thị niệm :

mười phương hiện tại chư Phật Thế Tôn đều ứng hiện thấy ta và nghĩ rằng :

云何此人欲求菩提。而生瞋恚。及以怨結。此愚癡人。

Vân hà thù nhân dục cầu Bồ-đề, nhi sinh sân nhuế, cập dĩ oán kết ? Thù ngu si
nhân

Làm sao người này muốn cầu Bồ-đề mà giận dữ oán kết ? Đây là người ngu si

以瞋恨故。於自諸苦不能解脫。何由能救一切眾生。

dĩ sân hận cố, ư tự chư khổ, bất năng giải thoát, hà do năng cứu nhất thiết
chúng sinh ?

vì giận hờn nên đối với nỗi khổ của mình không thể giải thoát, lấy gì có thể cứu
tất cả chúng sinh ?

多瞋眾生。在在生中。所受之身。惡毒充滿。

Đa sân chúng sinh, tại tại sinh trung sở thụ chi thân, ác độc sung mãn
Chúng sinh nhiều giận dữ thì ở trong thân thụ sinh của mình đầy đầy ác độc

故應修習慈愍之心。永遠離於瞋恚怨結。

cố ứng tu tập từ mãn chi tâm, vĩnh viễn ly ư sân nhuế oán kết,
nên phải tu tập lòng thương yêu, vĩnh viễn xa lìa giận dữ oán kết,

平等平等。利益安樂一切眾生。若如是思惟。

bình đẳng bình đẳng, lợi ích an lạc nhất thiết chúng sinh. Nhược như thị tư duy,
bình đẳng bình đẳng, lợi ích an lạc tất cả chúng sinh. Nếu suy nghĩ như vậy,

離瞋結已。次應想念。十方諸佛。

ly sân kết dĩ, thứ ứng tưởng niệm thập phương chư Phật
xa lìa giận hờn oán kết rồi, tiếp đến phải nghĩ tưởng rằng mười phương chư Phật

與諸菩薩聲聞大眾俱來。入我諸佛國土宮殿之中。

dữ chư Bồ-tát Thanh văn đại chúng câu lai, nhập ngã chư Phật quốc độ cung điện
chi trung.

cùng các Bồ-tát Thanh văn đại chúng đều đến vào trong cung điện của cõi Phật ta.

是諸如來身量大小。過人一倍。具諸相好。端正香潔。

Thị chư Như Lai thân lượng đại tiểu, quá nhân nhất bội, cụ chư tướng hảo, đoan
chính hương khiết,

Thân tướng của chư Như Lai lớn nhỏ gấp đôi thân người, đầy đủ các tướng tốt,
đoan chính thơm tho,

以天衣服。莊嚴其身。

dĩ thiên y phục trang nghiêm kỳ thân,
trang nghiêm thân mình bằng y phục cõi trời,

各各坐於千葉蓮花師子之座。一一無量眾所圍繞。覆以寶蓋。

các các tọa ư thiên diệp liên hoa sư tử chi tòa. Nhất nhất vô lượng chúng sở vi
nhiểu, phú dĩ bảo cái,

mỗi vị mỗi vị đều ngồi trên tòa sư tử có ngàn cánh sen. Mỗi vị mỗi vị có vô
lượng chúng vây quanh che lọng báu,

懸眾寶幡。種種瓔珞。周匝垂布。有天樂器。

huyền chúng bảo phan, chủng chủng anh lạc, châu táp thủy bố. Hữu thiên nhạc khí
treo các phướn báu, các tua chuỗi ngọc rủ xuống chung quanh. Có các loại nhạc
khí của trời

不鼓自鳴。其音和雅。聞者喜悅。香風徐動。

bất cổ tự minh, kỳ âm hoà nhã, văn giả hỷ duyệt. Hương phong từ động

không đánh tự vang, tiếng nhạc hoà nhã vui thích người nghe. Gió thơm thoảng nhẹ

吹諸寶樹。幢幡蓋網。瓔珞等物。

xuy chư bảo thụ, tràng phan cái võng, anh lạc đẳng vật

thổi vào các hàng cây báu, các thứ phan lọng chuỗi anh lạc vv...

出妙音聲歌讚如來種種功德。黃金為器。七寶莊嚴。其器光明。

xuất diệu âm thanh, ca tán Như Lai, chủng chủng công đức. Hoàng kim vi khí, thất
bảo trang nghiêm. Kỳ khí quang minh,

phát ra âm thanh ca ngợi các công đức của Như Lai. Các đồ dùng đều làm bằng vàng, trang sức bằng bảy báu. Các đồ dùng đều sáng loáng

猶如日月。所有香氣。如堅黑梅檀。甘露滿中。

do như nhật nguyệt, sở hữu hương khí như Kiên hắc Chiên-đàn, Cam lồ mãn trung như mặt trời mặt trăng, có mùi thơm như hương Chiên-đàn Kiên hắc đặng đầy Cam lồ

而以供養。諸佛菩薩及聲聞眾。

nhĩ dĩ cúng dường, chư Phật Bồ-tát, cập Thanh văn chúng.

để cúng dường chư Phật Bồ-tát và chúng Thanh văn.

其諸菩薩阿羅漢等。皆於如來最上法中。遊戲快樂。

Kỳ chư Bồ-tát A-la-hán đẳng, giai ư Như Lai tối thượng pháp trung, du hý khoái lạc.

Các chúng Bồ-tát A-la-hán đều sung sướng tự tại trong pháp cao tột của Như Lai.

復應想念。一切眾生。皆於諸佛座前而坐。

Phục ưng tưởng niệm nhất thiết chúng sinh, giai ư chư Phật toà tiền nhi tọa.

Lại phải nghĩ tưởng rằng tất cả chúng sinh đều ngồi trước toà chư Phật.

佛為演說修慈之行。如我今時之所修習。言音美妙。

Phật vị diễn thuyết tu Từ chi hạnh, như ngã kim thời chi sở tu tập. Ngôn âm mỹ diệu,

Phật vì chúng diễn thuyết hạnh tu Từ như những điều ngày nay ta tu tập. Tiếng nói của Phật hay đẹp dịu dàng,

悅可其心。令諸眾生。獲最上樂。譬如有人。

duyệt khả kỳ tâm, linh chư chúng sinh, hoạch tối thượng lạc. Thí như hữu nhân vưa lòng người nghe, khiến các chúng sinh được vui cao tột. Ví như có người

得甘露漿。而以洗沐。息除勞苦。形神休暢。

đắc Cam lồ dược nhi dĩ tẩy mộc, tức trừ lao khổ, hình thần hưu sướng.

được nước Cam lồ mà đem tắm gội, dứt trừ khổ não, thân trí đều được sáng khoái.

此亦如是。以法霑心。滅諸煩惱。身心寂靜。

Thử diệc như thị, dĩ pháp triêm tâm, diệt chư phiền não, thân tâm tịch tĩnh,

Đây cũng như vậy, đem giáo pháp thấm nhuần vào tâm, diệt các phiền não, thân tâm vắng lặng,

永得安樂。復應想念。如是一切寶幢幡蓋。衣服等物。

vĩnh đắc an lạc. Phục ưng tưởng niệm như thị nhất thiết bảo tràng phan cái y phục đẳng vật

mãi mãi được an vui. Lại phải nghĩ tưởng tất cả các vật cờ phướn lọng báu

所有微塵。光明朗曜。出過於日。柔軟細滑。

sở hữu vi trần, quang minh lãng diệu, xuất quá ư nhật, nhu nhuyễn tế hoạt nếu có vi trần thì đều sáng sủa chói lợi hơn cả mặt trời, mềm mại trơn láng

如觸天身。所出之香。如牛頭梅檀。其色清淨。

như xúc thiên thân. Sở xuất chi hương như Ngưu đầu Chiên-đàn. Kỳ sắc thanh tịnh như chạm thân trời. Mùi hương phát ra như Chiên-đàn Ngưu đầu. Màu sắc trong sạch

如毘琉璃寶。一切物像。皆於中現。又應想念。

như Tì lưu lý bảo, nhất thiết vật tượng giai ư trung hiện. Hựu ưng tưởng niệm : như ngọc báu Tì lưu lý, tất cả cảnh tượng đều hiện trong đó. Lại phải nghĩ tưởng

彼諸如來一一如來身之微塵。柔軟光色。

bì chư Như Lai, nhất nhất Như Lai thân chi vi trần, nhu nhuyễn quang sắc, các Đức Như Lai kia, vi trần nơi mỗi mỗi Như Lai sáng sủa mềm mại

轉加殊勝。比前微塵。踰百千倍。復應觀察。

chuyển gia thù thắng tỉ tiền vi trần dũ bách thiên bội. Phục ung quan sát còn hơn ngàn lần so với các vi trần trước. Lại phải quán sát

我所思念。一切眾生。性空無我。如夢如幻。

ngã sở tư niệm, nhất thiết chúng sinh, tính không vô ngã, như mộng như huyễn, điều ta suy nghĩ, tất cả chúng sinh, tính không vô ngã, như mộng như ảo,

如陽焰如眩瞽。一切諸佛亦復如是。

như dương diệm, như huyễn ế. Nhất thiết chư Phật diệc phục như thị, như sóng nằng, như loá mắt. Tất cả chư Phật cũng vậy,

自性皆空本無有我。凡夫無智。於彼妄執。有我自性。

tự tính giai không, bản vô hữu ngã. Phàm phu vô trí, ư bỉ vọng chấp hữu ngã tự tính,

tự tính đều không, vốn không có ngã. Phàm phu không trí tuệ vọng chấp tự tính có ngã

是故不能解脫生死。復應觀察。一切諸法。體相微細。

thị có bất năng giải thoát sinh tử. Phục ung quan sát nhất thiết chư pháp thể tướng vi tế,

cho nên không thể giải thoát sinh tử. Lại phải quán sát thể tướng tất cả các pháp là vi tế,

皆悉空寂。凡夫之人。以自分別。生諸境界。

tất giai không tịch. Phàm phu chi nhân, dĩ tự phân biệt, sinh chư cảnh giới. tất cả đều vắng lặng. Người phàm phu vì tự phân biệt sinh ra các cảnh giới.

自分別中。還自繫縛。乃至未了心之自性。

Tự phân biệt trung, hoàn tự triền phục, nãi chí vị liễu tâm chi tự tính,

Từ trong chỗ phân biệt trở lại tự trói mình, cho đến chưa hiểu tự tính của tâm,

齊爾許時。如在夢中。妄著諸境。復應觀察。

tê nhĩ hứa thời như tại mộng trung vọng trước chư cảnh. Phục ung quan sát giống như lúc ấy, vọng chấp các cảnh trong mộng. Lại phải quán sát

一切三界皆悉是空。空不礙空。我今慈心。

nhất thiết tam giới giai tất thị không, không bất ngại không, ngã kim từ tâm tất cả ba cõi đều không, không chẳng làm trở ngại không, tâm Từ của ta nay

猶為狹小。又應思念。如一切眾生及以諸佛。

do vi hiệp tiểu. Lại phải suy nghĩ như nhất thiết chúng sinh cập dĩ chư Phật hãy còn nhỏ hẹp. Lại phải suy nghĩ như tất cả chúng sinh cho đến chư Phật

性空無我。當知我身亦復如是。一切國土亦唯想念。

tính không vô ngã, đương tri ngã thân diệc phục như thị, nhất thiết quốc độ diệc duy tưởng niệm.

tính không vô ngã, phải biết thân ta cũng vậy, tất cả cõi nước cũng nghĩ như vậy.

作是解已。復應觀察。彼諸所有一切微塵。

Tác thị giải dĩ, phục ung quán sát bi chú sở hữu nhất thiết vi trần,
Hiếu như vậy rồi, lại phải quán sát tất cả vi trần,

一一塵中。皆有三世諸佛國土。是諸國土。
nhất nhất trần trung, giai hữu tam thế chú Phật quốc độ. Thị chú quốc độ
trong mỗi vi trần, đều có ba đời các cõi Phật. Các cõi nước này

最極清淨。超過於前所有佛國。
tối cực thanh tịnh, siêu quá ư tiền sở hữu Phật quốc,
cực kỳ thanh tịnh hơn cả các cõi Phật ở trước.

三世諸佛三世眾生。及以三世莊嚴之事。皆悉具足。
Tam thế chú Phật tam thế chúng sinh, cập dĩ tam thế trang nghiêm chi sự, tất
giai cụ túc.
Ba đời chú Phật, ba đời chúng sinh cho đến ba đời các việc trang nghiêm đều đầy
đủ.

三世劫數入於一念一一念中。三世諸佛。坐一切處。
Tam thế kiếp số nhập ư nhất niệm, nhất nhất niệm trung, tam thế chú Phật tọa
nhất thiết xứ,
Các số kiếp ba đời nhập vào trong một niệm. Trong mỗi niệm mỗi niệm có ba đời
chú Phật ngồi khắp mọi nơi,

普現一切眾生之前。或入禪定。或說妙法。
phổ hiện nhất thiết chúng sinh chi tiền, hoặc nhập thiền định, hoặc thuyết diệu
pháp,
hiện khắp trước mặt tất cả chúng sinh, hoặc nhập thiền định, hoặc diễn thuyết
diệu pháp,

或飡美食。或飲甘露。一一佛前。三世菩薩。
hoặc xan mỹ thực, hoặc âm Cam lồ. Nhất nhất Phật tiền, tam thế Bồ-tát
hoặc thụ mỹ thực hay nước Cam lồ. Trước mỗi vị Phật có ba đời Bồ-tát

及阿羅漢。圍繞而坐。三世快樂。充滿其身。
cập A-la-hán vi nhiều nhi tọa, tam thế khoái lạc sung mãn kỳ thân.
cùng A-la-hán vây quanh mà ngồi, niềm vui ba đời đầy đủ trong thân.

亦自見身。在諸佛所。受於如是三世安樂。
Diệc tự kiến thân tại chú Phật sở, thụ ư như thị tam thế an lạc.
Rồi tự thấy mình cũng ở chỗ chú Phật, được sự an vui ba đời như vậy.

復應想念。一一念中。我三世身。各持無量上好供具。
Phục ung tưởng niệm, nhất nhất niệm trung, ngã tam thế thân, các trì vô lượng
thượng hảo cúng cụ
Lại phải nghĩ tưởng trong mỗi niệm mỗi niệm, ba đời thân ta đều cầm vô lượng các
thứ cúng dường thượng hảo

而以供養一切諸佛。菩薩聲聞。
nhi dĩ cúng dường nhất thiết chú Phật, Bồ-tát Thanh văn,
cúng dường tất cả chú Phật, Bồ-tát Thanh Văn,

及以施與眾生之類。於一一念。從其身出種種香雲。
cập dĩ thí dĩ chúng sinh chi loại. Ư nhất nhất niệm, tùng kỳ thân xuất chủng
chủng hương vân.

Cho đến thí cho các loài chúng sinh. Trong mỗi niệm mỗi niệm, từ trong thân thoát ra các thứ mây hương.

雲中復有無量寶蓋。莊嚴綺飾。

Vân trung phục hữu vô lượng bảo cái trang nghiêm ý sức

Trong mây lại có vô lượng lọng báu trang hoàng đẹp đẽ

彌覆一切諸佛如來菩薩聲聞。及以六趣眾生之上。

di phú nhất thiết chư Phật Như Lai Bồ-tát Thanh Văn cập dĩ lục thú chúng sinh chi thượng.

khắp che tất cả chư Phật Như Lai Bồ-tát Thanh Văn cho đến sáu nẻo chúng sinh.

其雲復雨天之甘露及堅黑牛頭栴檀香末。曼陀羅花。

Kỳ vân phục vũ thiên chi Cam lồ cập Kiên hắc , Ngưu đầu Chiên-đàn hương mật, Mạn-đà-la hoa,

Những đám mây ấy lại mưa xuống vị Cam lồ của trời và bột hương Chiên-đàn Kiên hắc, Ngưu đầu, hoa Mạn-đà-la,

摩訶曼陀羅花。波頭摩花。拘物頭花。

Ma-ha Mạn-đà-la hoa, Ba-đầu-ma hoa, Câu-vật-đầu hoa,

hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu,

芬陀利花。妙香花。妙意花。皆從空中。繽紛而墜。

Phân-đà-lợi hoa, diệu hương hoa, diệu ý hoa giai tùng không trung tân phân nhi truy.

hoa Phân-đà-lợi, hoa diệu hương, hoa diệu ý đều từ trên không là tả rơi xuống.

電光烈曜。如日舒景。雷音震動。聞者悅豫。

Điện quang liệt diệu như nhật thư cảnh. Lôi âm chấn động, văn giả duyệt dự.

Ánh sáng điện rực rỡ như mặt trời quang, tiếng sấm rền vang người nghe vui thích.

一切諸佛菩薩聲聞。及諸眾生。若行若住。

Nhất thiết chư Phật Bồ-tát Thanh Văn cập chư chúng sinh, nhược hành nhược trụ, Tất cả chư Phật Bồ-tát Thanh Văn và các chúng sinh, hoặc đi đứng

若坐若臥。四威儀中。其身恒受最上安樂。佛子。

nhược tọa nhược ngoạ, tứ oai nghi trung, kỳ thân hằng thụ tối thượng an lạc.

Phật tử !

ngồi nằm, trong bốn oai nghi thân thường an lạc. Phật tử !

譬如比丘。入遍處定。於一切物。

Thí như Tì-khưu nhập Biện xứ định, ư nhất thiết vật,

Ví như Tì-khưu nhập định Biện xứ, trong tất cả các vật

皆作地解水火風解。以如是解。攝持其心。修慈之人。

giai tác địa giải thủy hỏa phong giải, dĩ như thị giải nhiếp trì kỳ tâm. Tu Từ chi nhân

đều thấy đó là đất nước gió lửa, lấy sự hiểu rõ đó gìn giữ cái tâm. Người tu tâm Từ

亦復如是以慈勝解。莊嚴攝持。復應思惟。

diệc phục như thị dĩ Từ thắng giải, trang nghiêm nhiếp trì. Phục ung tu duy, cũng vậy, lấy sự hiểu rõ về Từ mà trang nghiêm gìn giữ. Lại phải nghĩ rằng

我今所與眾生安樂。但唯是想。如幻如化。
ngã kim sở dĩ chúng sinh an lạc, đản duy thị tướng, như huyễn như hoá.
nay ta cùng chúng sinh được an vui là chỉ nghĩ tướng như ảo như hoá.

譬如幻師作所幻事。我亦如是。與諸眾生種種安樂。
Thí như huyễn sư tác sở huyễn sự. Ngã diệc như thị, dĩ chư chúng sinh chúng
chúng an lạc
Ví như nhà ảo thuật làm các trò ảo thuật. Ta cũng vậy, cùng chúng sinh có những
sự an lạc

又如幻物無有自性。一切眾生。亦復如是。
hựu như huyễn vật vô hữu tự tính. Nhất thiết chúng sinh diệc phục như thị,
cũng như là vật ảo không có tự tính. Tất cả chúng sinh cũng vậy,

本來無有我我所性。又如渴鹿。於陽焰中。妄生水想。
bản lai vô hữu ngã ngã sở tính. Hựu như khát lộc, u dương diệm trung, vọng sinh
thủy tướng,
xưa nay vốn không có tính ngã và sở hữu của ngã. Như con nai khát nước trông
thấy sóng nắng tưởng đó là nước,

勤苦奔逐。我心行慈。當知亦爾。又如陽焰。
cần khổ bôn trục. Ngã tâm hành từ, đương tri diệc nhĩ. Hựu như dương diệm,
khó nhọc chạy đi tìm. Ta thực hành tâm từ, phải biết như vậy. Như sóng nắng vậy,

水不可得。一切諸法。亦復如是。無有我性。
thủy bất khả đắc. Nhất thiết chư pháp diệc phục như thị, vô hữu ngã tính.
không thể có nước. Tất cả các pháp cũng như vậy, không có tính ngã.

又如夢中見種種物。夢心分別。謂為實事。
Hựu như mộng trung kiến chúng chúng vật, mộng tâm phân biệt vị vi thật sự,
Lại như trong giấc mơ, thấy vật nọ vật kia, tâm mộng mơ phân biệt cho là sự
thật,

及至覺時。了無所在。應知諸法皆亦復然。如瞽目者。
cập chí giác thời, liễu vô sở tại, ưng tri chư pháp giai diệc phục nhiên. Như ế
mục giả
đến khi tỉnh dậy không thứ gì còn. Phải biết các pháp cũng đều như vậy. Như
người đau mắt

於淨空中。見種種物。謂之為有。
ư tịnh không trung kiến chúng chúng vật, vị chi vi hữu.
thấy vật nọ vật kia trong không trung cho đó là có thật.

其人後得阿伽陀藥。治眼瞽盡。所見之物。悉皆隨滅。
Kỳ nhân hậu đắc A-già-đà dược trị nhãn ế tận, sở kiến chi vật tất giai tùy diệt.
Về sau người ấy được thuốc A-già-đà trị lành mắt đau, những vật đã thấy thấy đều
biến mất.

如是眾生。以有身見及邊見故。而有我想。
Như thị chúng sinh, dĩ hữu thân kiến cập biên kiến cố nhi hữu ngã tướng.
Như vậy chúng sinh do thân kiến, biên kiến mà có tướng về ngã.

若得智慧藥。滅除此見。所有我想。亦隨止息。
Nhược đắc trí tuệ dược diệt trừ thủ kiến, sở hữu ngã tướng diệc tùy chỉ tức.

Nếu được thuốc trí tuệ diệt trừ kiến chấp này thì ý tưởng về ngã theo đó dứt mất.

是故我應如是修慈。如從夢覺。離我我所。

Thị cố ngã ung như thị tu Từ, như từng mộng giác, ly ngã ngã sở.

Vì vậy ta phải tu tâm Từ, như từ giấc mơ tỉnh dậy, lìa bỏ ngã và ngã sở.

佛子當知。此修慈者。乃至未能離於分別。

Phật tử đương tri, thử tu Từ giả, nãi chí vị năng ly u phân biệt,

Phật tử phải biết, người tu tâm Từ này, cho dù chưa thể lìa phân biệt,

未能不起我我所見。常得六種梵天之福。若捨分別。

vị năng bất khởi ngã ngã sở kiến, thường đắc lục chủng Phạm thiên chi phúc.

Nhược xả phân biệt,

chưa thể không khởi kiến chấp về ngã, ngã sở nhưng thường được sáu thứ phúc đức của cõi Phạm thiên. Nếu xả bỏ phân biệt,

離我我所。此則名為廣大之慈。先世已來。

ly ngã ngã sở, thử tắc danh vi quảng đại chi Từ, tiên thế dĩ lai,

lìa ngã, ngã sở mới gọi là tâm Từ rộng lớn. Từ đời trước đến nay

所有罪障。皆得除滅。不久當證無上菩提。佛子。

sở hữu tội chướng giai tất trừ diệt, bất cửu đương chứng vô thượng Bồ-đề. Phật tử !

có những tội chướng đều được tiêu diệt, không lâu sẽ chứng quả Bồ-đề vô thượng. Phật tử !

一切菩薩。皆應如是修習慈心。汝以修慈。

Nhất thiết Bồ-tát giai ung như thị tu tập Từ tâm. Nhữ dĩ tu Từ,

Tất cả Bồ-tát đều phải tu tâm Từ như vậy. Ông do tu tập tâm Từ,

名為慈者。佛子。若善男子善女人。

danh vi Từ giả. Phật tử ! Thiện nam tử thiện nữ nhân,

nên được gọi là người họ Từ. Phật tử ! Các thiện nam thiện nữ,

有得聞此修慈經者。則能銷滅無始時來諸惡業障。

hữu đắc văn thử Tu Từ Kinh giả, tắc năng tiêu diệt vô thủy thời lai chu ác nghiệp chướng,

được nghe Kinh Tu Từ này thì có thể tiêu diệt các ác nghiệp chướng từ vô thủy đến nay,

離眾病厄。為一切人之所愛敬。於其中間。或至臨終。

ly chúng bệnh ách, vi nhất thiết nhân chi sở ái kính u kỳ trung gian, hoặc chí lâm chung,

lúc còn sống khỏi các tai nạn bệnh tật, được tất cả mọi người yêu kính, đến khi lâm chung

必得奉見十方諸佛。

tất đắc phụng kiến thập phương chư Phật,

chắc chắn được thấy mười phương chư Phật,

及與授阿耨多羅三藐三菩提記。或得三昧。或得法忍。

cập dĩ thụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ký. Hoặc đắc Tam-muội, hoặc đắc Pháp nhẫn,

và được thụ ký A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hoặc được Tam-muội, hoặc được pháp Nhân,

或得入於陀羅尼門。其心安隱。無有死畏。
hoặc đắc nhập ư Đà-la-ni môn, kỳ tâm an ổn, vô hữu tử úy,
hoặc được vào trong pháp môn Đà-la-ni, trong lòng an ổn không sợ chết,

永離一切諸惡道苦。必生清淨極樂佛國。佛子。譬如有人。
vĩnh ly nhất thiết chư ác đạo khổ, tất sinh thanh tịnh Cực Lạc Phật quốc. Phật tử !
Thí như hữu nhân,
hằng lìa xa nỗi khổ trong các đường dữ, chắc chắn sinh về Cực Lạc cõi Phật thanh tịnh. Phật tử ! Ví như có người,

於三界中。盛滿七寶。日以三時。奉施如來。
ư tam giới trung, thịnh mãn thất bảo, nhật dĩ tam thời phụng thí Như Lai,
có bảy báu chứa đầy trong ba cõi, một ngày ba lần đem cúng thí Như Lai,

盡於一劫。其人功德。應知亦爾。
tận ư nhất kiếp, kỳ nhân công đức ứng tri diệc nhĩ.
đến hết một kiếp, phải biết công đức của người này cũng như vậy.

何況有能修習之者。假使無量諸佛如來於一劫中。說其功德。
Hà huống hữu năng tu tập chi giả. Giả sử vô lượng chư Phật Như Lai ư nhất kiếp
trung, thuyết kỳ công đức
Huống chi là người có thể tu tập thì dẫu vô lượng chư Phật Như Lai trong một
kiếp nói về công đức ấy

猶不能盡。佛說此經已。彌勒菩薩摩訶薩。
do bất năng tận. Phật thuyết thử kinh dĩ Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát
cũng không hết được. Phật nói kinh này xong Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát

及十方國土。諸來梵眾。皆大歡喜。信受奉行。
cập thập phương quốc độ, chư lai Phạm chúng, giai đại hoan hỷ, tín thụ phụng
hành.
và các Phạm chúng từ các cõi trong mười phương đến đều rất hoan hỷ tin nhận
phụng hành.

大方廣佛花嚴經修慈分
Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tu Từ Phần
Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Phần Tu Từ

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 20:56:15 2006

=====